TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 19/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 21-7-2017
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1: Ông Vũ Văn Thắng

2: Bà Nguyễn Thị Trang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2017/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977

Trú tại: Xóm TC 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT: Xóm TC 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa hợp hạnh phúc được hơn 10 năm. Tới năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do hai bên bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Mâu thuẫn quá trầm trọng nên từ cuối năm 2011 chị L đã thu dọn quần áo bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm T, xã H, huyện Đ sống, sau đó một thời gian chị L đi làm ăn, tuy nhiên đi làm gì ở đâu thì anh không rõ, thi thoảng chị L có về địa phương thì cũng chỉ về nhà bố mẹ đẻ chứ không về nhà thăm chồng, thăm con, vợ chồng sống ly thân từ khi chị L bỏ đi cho tới nay. Ngoài ra anh còn nghe nói hiện chị L đang chung sống như vợ chồng và đã có con chung với một người đàn ông khác.

Tại phiên toà hôm nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng dẫn tới cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con lớn tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 22-6-2000, con thứ hai tên là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 19-10-2008. Hiện cả hai con đang sống cùng với bố. Nguyện vọng sau khi vợ chồng ly hôn anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho tới khi hai con thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L theo quy định. Nhưng chị L cố tình vắng mặt, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy Tòa án không có lời khai của chị L và không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, tại các biên bản xác minh ngày 14-4-2017 và ngày 15-5-2017 ông G bố đẻ của chị L cho biết: Chị L kết hôn với anh T năm 2000, trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị L đã bỏ về nhà ông bà sống, sau đó thì chị L đi làm ăn buôn bán, nay đây mai đó thi thoảng mới về nhà thăm bố mẹ một vài ngày rồi lại đi.Việc anh T gửi đơn ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết chị L đã nhận được thông tin

nhưng do công việc làm ăn bận rộn không về giải quyết được. Quan điểm của chị L là chị nhất trí ly hôn với anh T, con chung tạm thời cứ giao cho anh T nuôi dưỡng, chị sẽ tự có trách nhiệm với con, nợ chung vợ chồng không có, tài sản chung hiện tại chị không có yêu cầu gì, sau này có phát sinh tranh chấp chị sẽ đề nghị sau.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS như việc xác định thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng, cho đương sự viết tự khai, xác minh sự vắng mặt của bị đơn, mở phiên họp và hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng. Thời hạn xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203. Tại phiên tòa HĐXX và thư ký phiên tòa chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS.

Bị đơn: Chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được HĐXX xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Áp dụng Điều 21, 147 Bộ luật TTDS, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, đề nghị HĐXX quyết định: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T ly hôn với chị L. Về con chung: Giao hai con chung là cháu H và Y cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị L có quyền đi lại thăm nom con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết. Án phí: Anh T phải nộp 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng*:*

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T, trú tại: Xóm TC 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và bị đơn là chị Nguyễn Thị L, ĐKHKTT: Xóm TC 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã tiến hành tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L theo quy định tại các Điều 174, 175,177, 196 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do chị L vắng mặt nên

vụ án không tiến hành hòa giải được và phải đưa ra xét xử, tại phiên tòa hôm nay chị Lvắng mặt không có lý do lần thứ hai. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn với nhau từ năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm. Tới năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã xô xát nhau, cuối năm 2011 do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị L bỏ về nhà bố mẹ tại xóm T, xã H, huyện Đ sống, sau đó đi làm ăn nay đây mai đó, thi thoảng có về thăm bố mẹ đẻ rồi lại đi chứ không về nhà thăm chồng thăm con lần nào. Vợ chồng anh chị cũng đã ly thân từ khi chị L bỏ đi cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị L không tới Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định nên Tòa án không có lời khai của chị L. Tuy nhiên tại các biên bản xác minh ngày 14-4-2017 và ngày 15-5-2017 ông G bố đẻ của chị L cho biết: Chị L kết hôn với anh T năm 2000, trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị L đã bỏ về nhà ông bà sống, sau đó thì chị L đi làm ăn buôn bán, nay đây mai đó thi thoảng mới về nhà thăm bố mẹ một vài ngày lại đi.Việc anh T gửi đơn ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết chị L đã nhận được thông tin nhưng do công việc làm ăn bận rộn không về giải quyết được, quan điểm của chị L là chị nhất trí ly hôn với anh T.

Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã ở mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích kết hôn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị L như vậy là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị L có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 22-6-2000 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 19-10-2008. Cả hai con có nguyện vọng muốn được sống cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Anh T cũng có quan điểm muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con cho tới khi hai con thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện cả hai con của anh T và chị L đều đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn được sống cùng với bố, trên thực tế anh T đủ

khả năng nuôi con và cũng là người trực tiếp nuôi dạy hai con từ khi chị L bỏ đi cuối năm 2011 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị L không có mặt, xét nguyện vọng của anh T là có cơ sở để chấp nhận, cần thiết phải giao hai con chung là Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Hải Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị L vì anh T chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 22-6-2000 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 19-10-2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L vì anh T chưa có yêu cầu.

Chị L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung*:* Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015657 ngày 17-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn (anh T), vắng mặt bị đơn (chị L). Báo cho anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho chị L biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Đức Thuận